

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ AN GIANG
HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CDNN

Số: 01/TB-HĐXTHCDNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
viên chức từ hạng III lên hạng II và từ hạng IV lên hạng III
của Trường Cao đẳng Y tế An Giang năm 2025**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng và phí dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Công văn số 545/LĐTBXH-TCGDNN ngày 05/02/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 512/UBND-TH ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Cao đẳng Y tế An Giang;

Căn cứ Quyết định số 295/QĐ-CDYT ngày 31/10/2025 của Trường Cao đẳng Y tế An Giang về việc ban hành Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Y tế An Giang;

Căn cứ Đề án số 434/ĐA-CDYT ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Trường Cao đẳng Y tế An Giang về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II và từ hạng IV lên hạng III của Trường Cao đẳng Y tế An Giang năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 50/KH-CDYTAG ngày 11/02/2026 của Trường Cao đẳng Y tế An Giang về việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II và từ hạng IV lên hạng III của Trường Cao đẳng Y tế An Giang năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-CDYTAG ngày 11/02/2026 của Trường Cao đẳng Y tế An Giang về việc thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh

nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II và từ hạng IV lên hạng III của Trường cao đẳng Y tế An Giang năm 2025.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II và từ hạng IV lên hạng III của Trường cao đẳng Y tế An Giang năm 2025 (gọi tắt là Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức) thông báo như sau:

I. SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG CDNN

Chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Cao đẳng Y tế An Giang thực hiện theo Công văn số 512/UBND-TH ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang¹ là 18 chỉ tiêu, cụ thể là:

- Từ chức danh nghề nghiệp Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03 lên Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số: V.09.02.02: 09 chỉ tiêu.

- Từ chức danh nghề nghiệp Giáo viên giáo dục nghề nghiệp (hạng IV) - Mã số: V.09.02.09 lên Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03: 09 chỉ tiêu.

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng theo hướng dẫn của các Bộ quản lý viên chức chuyên ngành và Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II và từ hạng IV lên hạng III của Trường Cao đẳng Y tế An Giang năm 2025 cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn, điều kiện xét chung

Theo khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức

¹ Công văn số 512/UBND-TH ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Cao đẳng Y tế An Giang

danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét.

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể

2.1. Đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03 lên chức danh nghề nghiệp Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số: V.09.02.02

a) Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tại khoản 2 Mục III Phần II Đề án này.

b) Đáp ứng tiêu chuẩn, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số: V.09.02.02 theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 10/2024/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

(a) Giảng viên dạy lý thuyết có bằng thạc sĩ trở lên; giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn về kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

(b) Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

(a) Có kiến thức chuyên sâu về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

(b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy.

(c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính theo yêu cầu vị trí việc làm.

(d) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp; biết tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp.

(đ) Chủ biên hoặc tham gia biên soạn 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên khảo hoặc 02 (hai) chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã xuất bản.

(e) Chủ trì thực hiện 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 01 (một) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế hoặc trong nước (trong danh mục có tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước).

(g) Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, cấp bộ hoặc Hội giảng giáo viên dạy nghề cấp tỉnh hoặc Hội thi giáo viên dạy giỏi trung cấp chuyên nghiệp cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Hội giảng cấp tỉnh) hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học đạt giải ba trở lên trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Hội thi thiết bị tự làm cấp tỉnh) hoặc đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi, kỳ thi khác cấp tỉnh hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) giảng viên, giáo viên đạt giải trong Hội giảng cấp tỉnh hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) người học đạt giải trong cuộc thi, kỳ thi khác cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.

Trường hợp viên chức không đạt 01 (một) trong 03 (ba) tiêu chuẩn quy định tại điểm đ, điểm e và điểm g khoản này thì 01 (một) trong 02 (hai) tiêu chuẩn còn lại phải đạt gấp 02 (hai) lần.

(h) Viên chức thăng hạng lên chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính phải có thời gian công tác giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên - Mã số 15.111 hoặc giáo viên trung học - Mã số 15.113 hoặc giảng viên (hạng III) - Mã số V.07.01.03 hoặc giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số V.09.02.04 tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

2.2. Đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giáo viên giáo dục nghề nghiệp (hạng IV) - Mã số: V.09.02.09 lên chức danh nghề nghiệp Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03

a) Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tại khoản 2 Mục III Phần II Đề án này.

b) Đáp ứng tiêu chuẩn, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03 theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 10/2024/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

- Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

(a) Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

(b) Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

(a) Nắm vững kiến thức của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề được phân công giảng dạy.

(b) Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy và kế hoạch đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo.

(c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết theo yêu cầu vị trí việc làm.

(d) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; biết ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả giảng dạy, chất lượng đào tạo; biết chế tạo, cải tiến phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học.

(đ) Có hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; có khả năng tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có xác nhận của đơn vị sử dụng viên chức.

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn

vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

- Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

- Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

d) Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

e) Bản sao chứng thực:

- Các Quyết định: tuyển dụng, tiếp nhận; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; quyết định bổ nhiệm, chuyển chức danh nghề nghiệp; quyết định nâng bậc lương gần nhất.

- Bản sao chứng thực văn bản chứng minh thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận (nếu có).

2. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng CDNN viên chức

a) Viên chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đăng ký dự xét, được sắp xếp theo trình tự và đánh số thứ tự tài liệu có trong hồ sơ theo thứ tự a, b, c,... Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng của viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm theo quy định tại Quyết định số 06/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức.

b) Viên chức chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, tính trung thực của hồ sơ.

3. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng: **10 ngày**, kể từ ngày thông báo tổ chức xét thăng hạng CDNN viên chức công khai trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở làm việc của Trường Cao đẳng Y tế An Giang.

Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị Trường Cao đẳng Y tế An Giang, Số 20 Nguyễn Văn Linh, phường Long Xuyên, An Giang.

IV. HÌNH THỨC, NỘI DUNG XÉT THĂNG HẠNG CDNN VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hình thức xét thăng hạng CDNN: Thẩm định hồ sơ.

2. Nội dung xét thăng hạng CDNN: Thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Mục II của Kế hoạch này.

3. Lệ phí xét thăng hạng CDNN: 700.000 đồng/thí sinh/lần (Lệ phí xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

4. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

4.1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Mục II của Thông báo này, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

4.2. Trường hợp đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận.

b) Viên chức là nữ.

c) Viên chức là người dân tộc thiểu số.

d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh).

đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

4.3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

5. Thời gian, địa điểm tổ chức xét thăng hạng

a) Thời gian tổ chức xét thăng hạng: Hoàn thành trước ngày 28/2/2026.

b) Địa điểm: Trường Cao đẳng Y tế An Giang, Số 20 Nguyễn Văn Linh, phường Long Xuyên, An Giang.

Hội đồng xét thăng hạng CDNN viên chức xin thông báo đến lãnh đạo Khoa, Phòng và các thí sinh biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- HĐ xét thăng hạng CDNN;
- Thí sinh theo phụ lục đính kèm;
- BGH trường;
- Đăng Website Trường CDYT.
- Niêm yết công khai tại Trường CDYT.
- Lãnh đạo phòng, khoa;
- Lưu: VT, PTCHCQT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CDNN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ AN GIANG

Nguyễn Ngọc Thiều